CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam

Ngày 30/09/2025	20,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.1%	**27.3%**	**20.0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,887 - 20,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	55
Số lượng CPLH (CP)	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,590
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	(0.19)
EPS	1,081
P/E	18.9

DT thuần
Q3/25
37.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.4| 135%
YoY: ▲ 16.0| 75.5%

LN thuần
Q3/25
1.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.54| 3846%
YoY: ▼1.06| -40.2%

LN sau thuế
Q3/25
1.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.73| 143%
YoY: ▼0.61| -33.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.4%
YoY: +/-▲ 0.4%

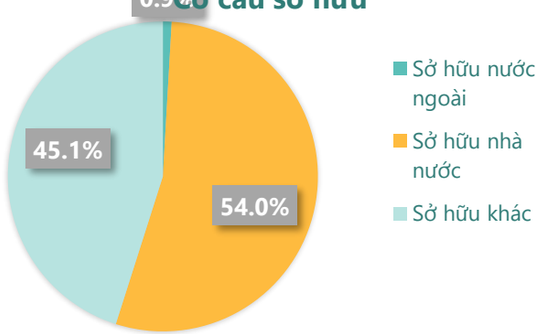
ROE (TTM)
Q3/25
7.2%
YoY: +/-▼ 1.9%

DT thuần
9T 2025
57.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.4| 79.4%

LN thuần
9T 2025
1.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.40| 41.2%

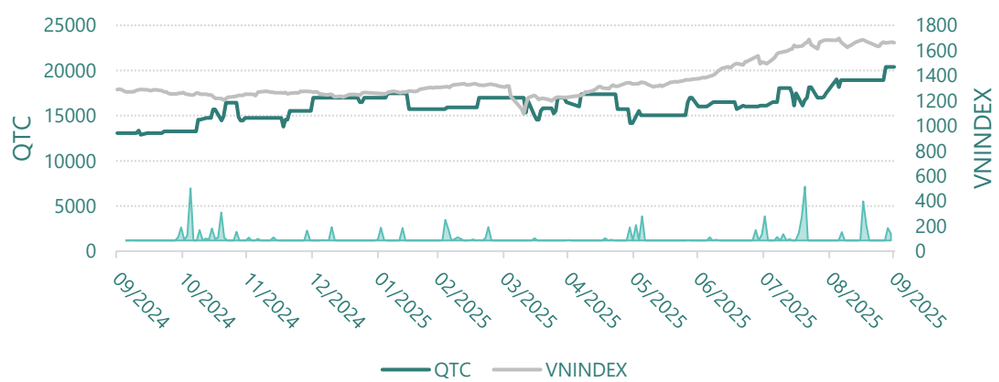
LN sau thuế
9T 2025
1.51
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.74| 96.6%

Cơ cấu sở hữu

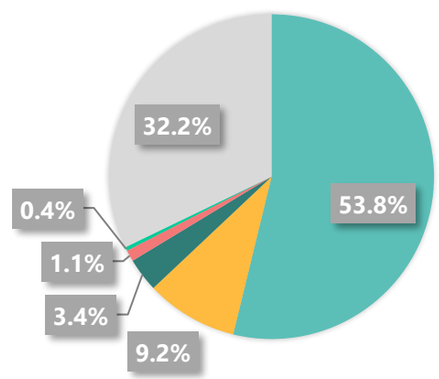


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

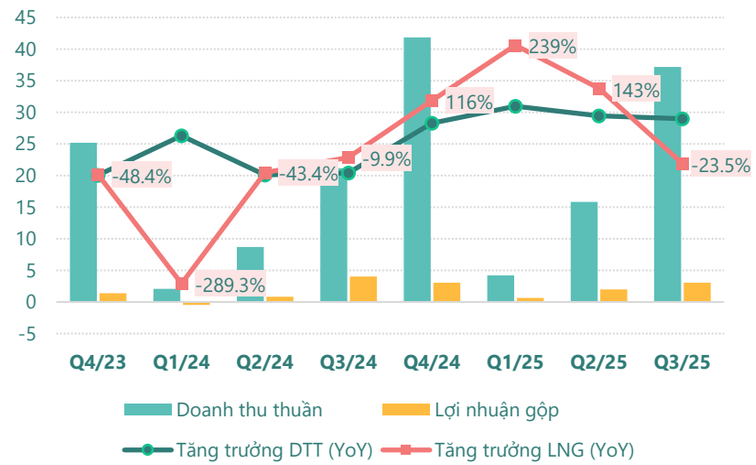


- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
- Nguyễn Thị Mai Lan
- CTCP Sách - Thiết bị trường học Long An
- Nguyễn Tuấn Anh (Tổng giám đốc)
- Lê Văn Xí (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

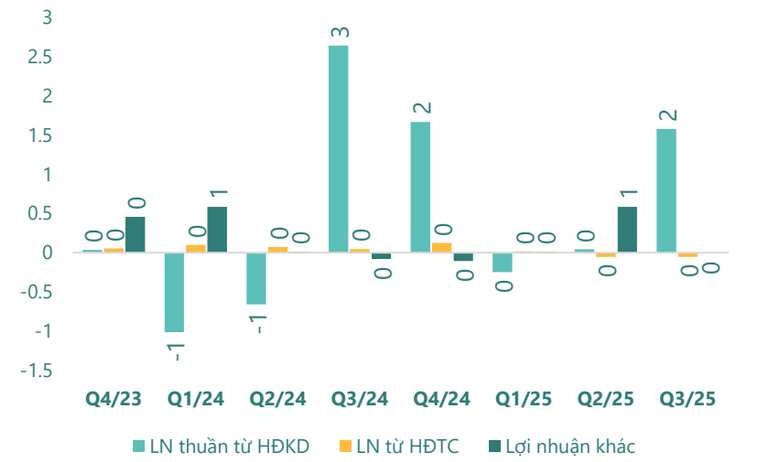
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



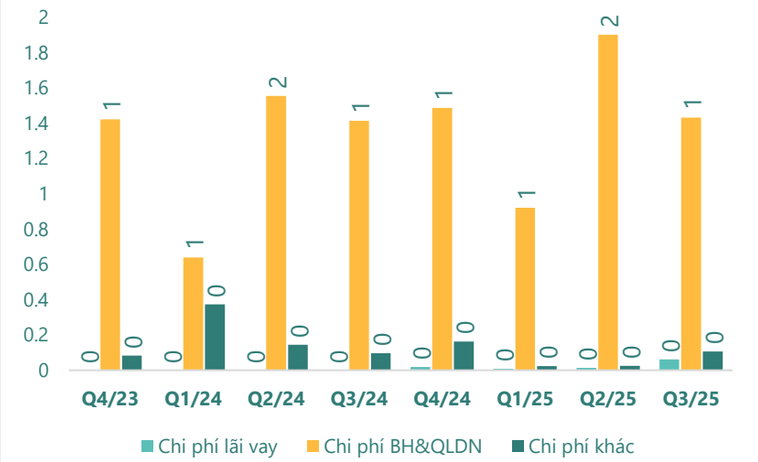
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



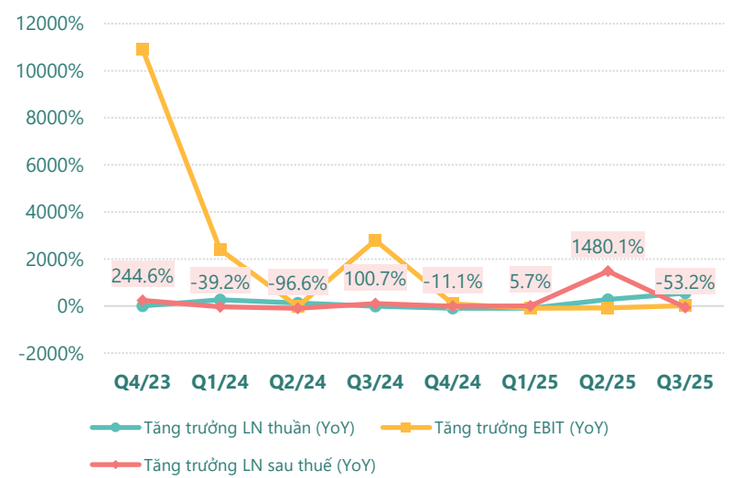
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



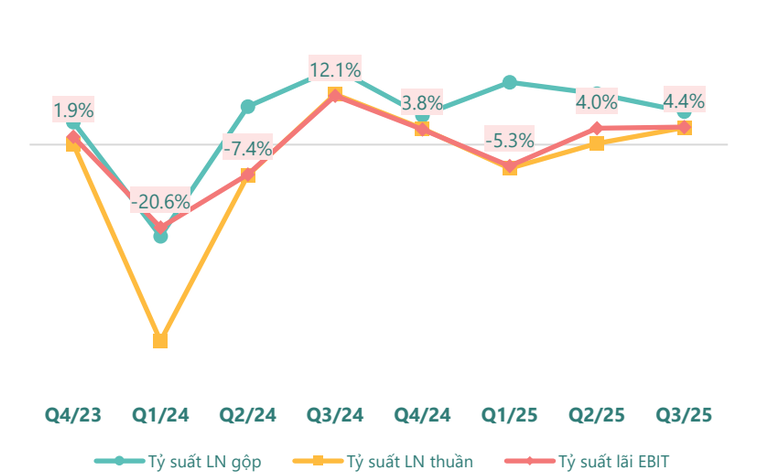
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



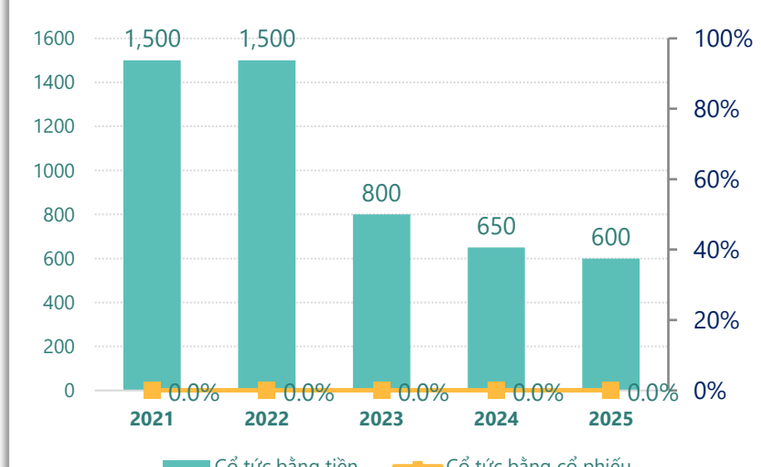
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

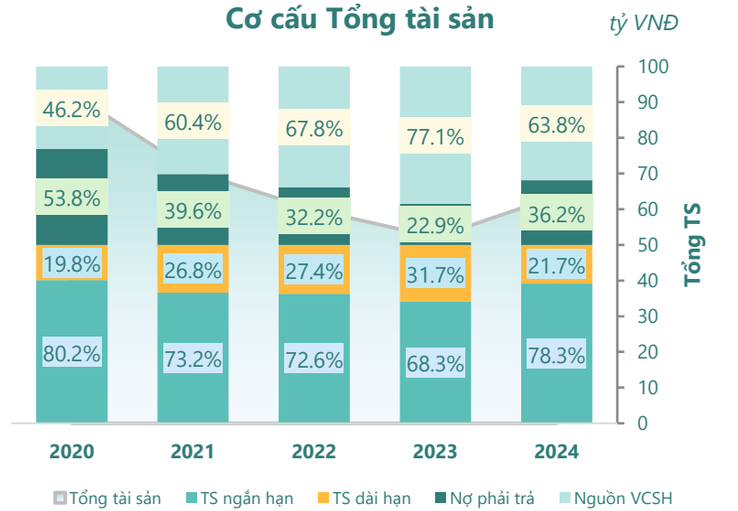
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

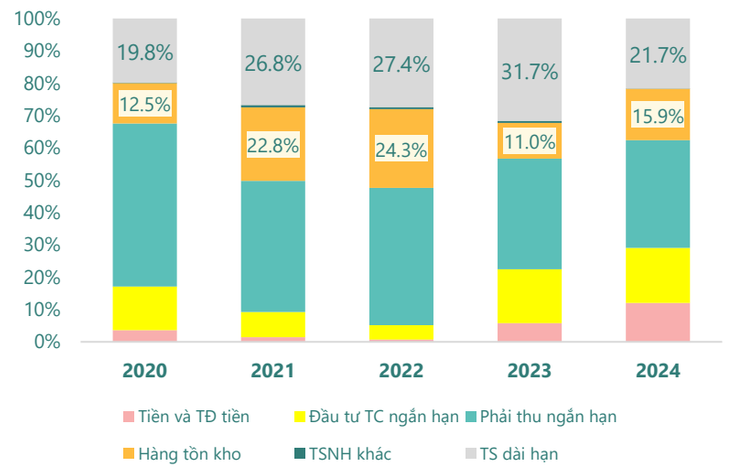
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



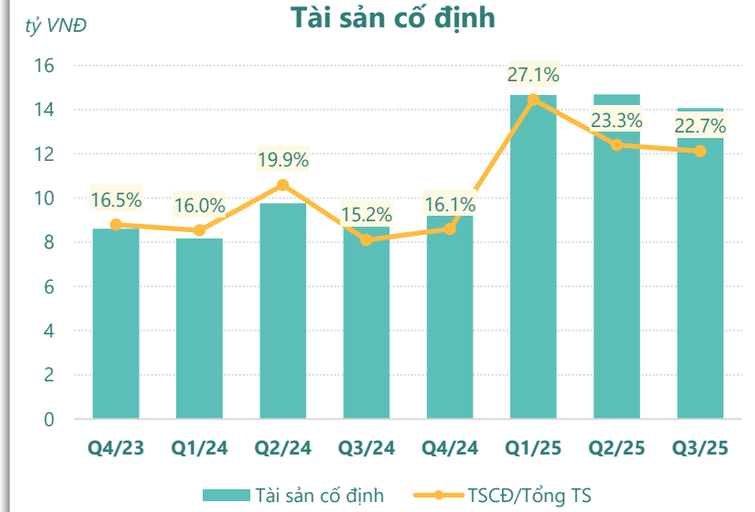
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



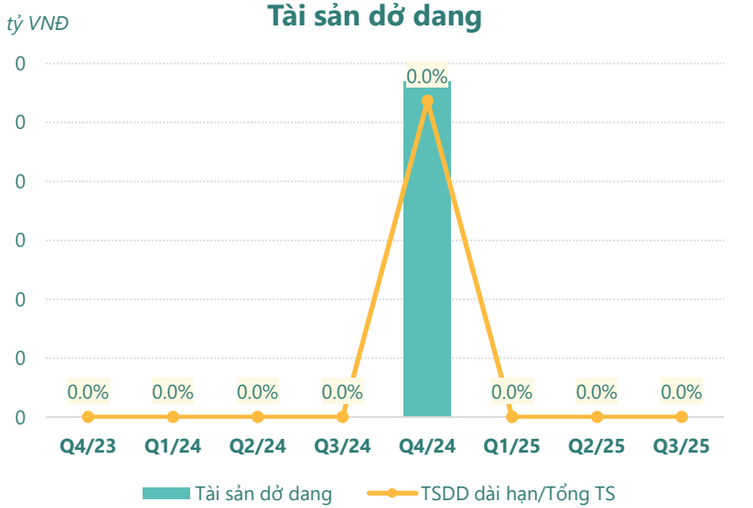
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



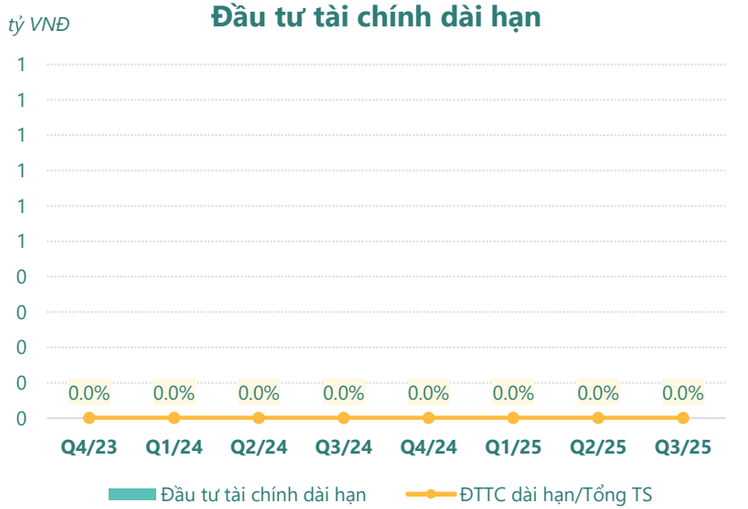
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



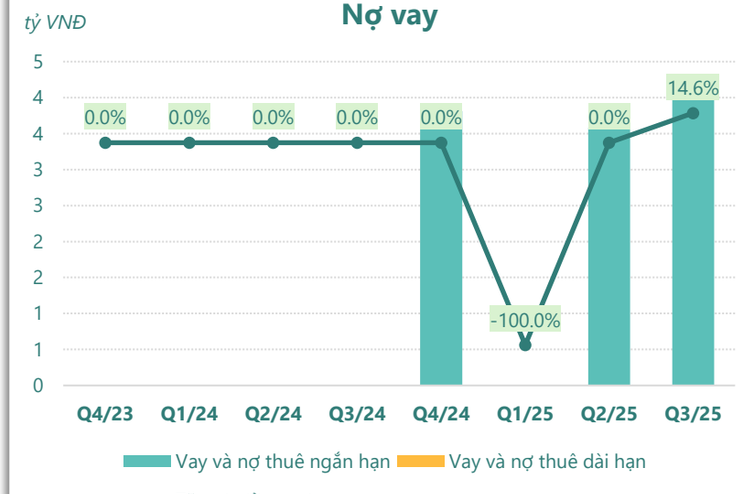
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

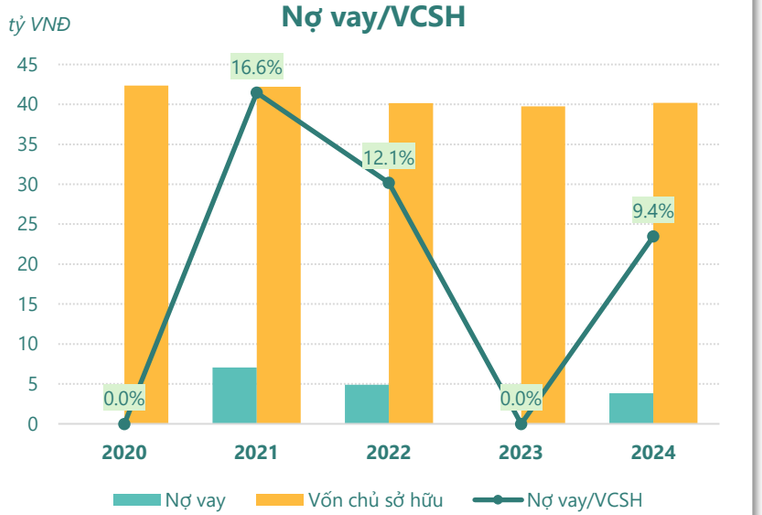
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

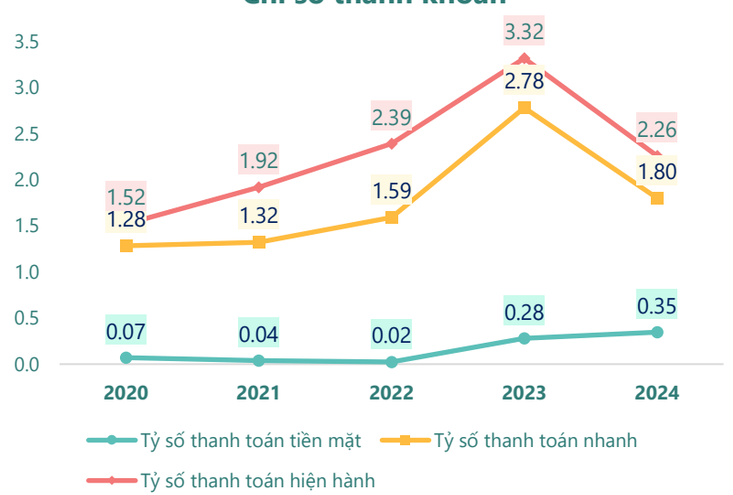
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



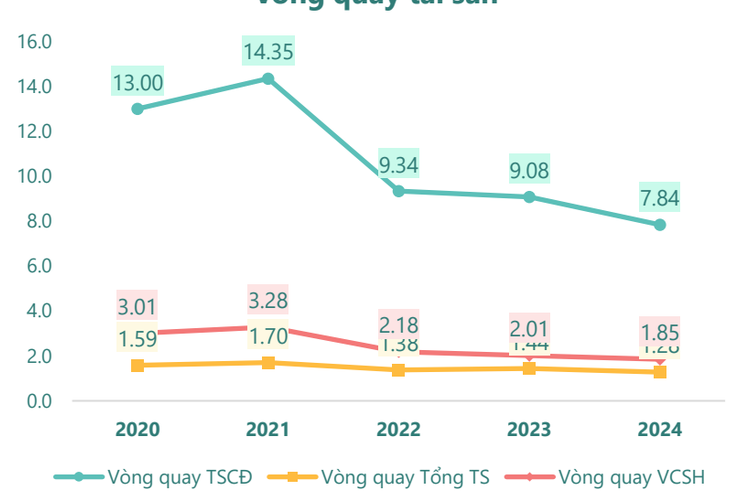
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



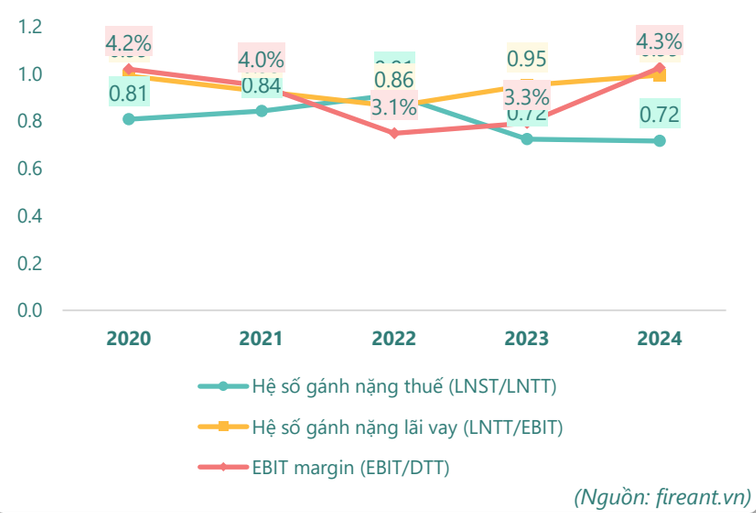
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



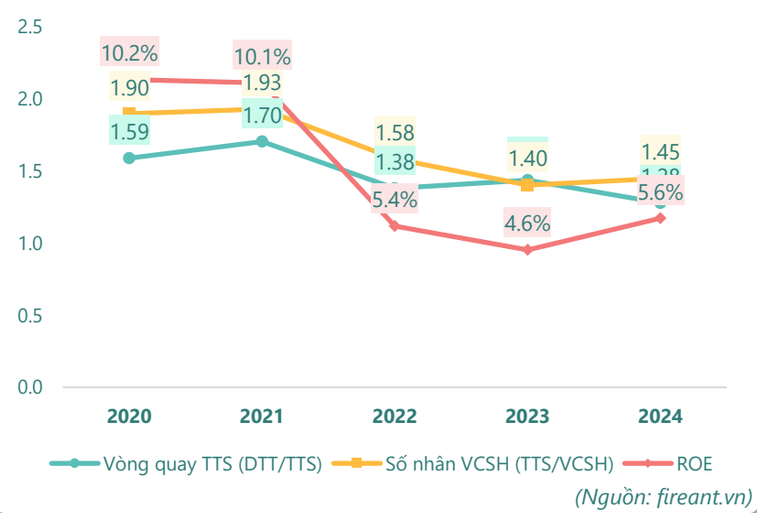
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



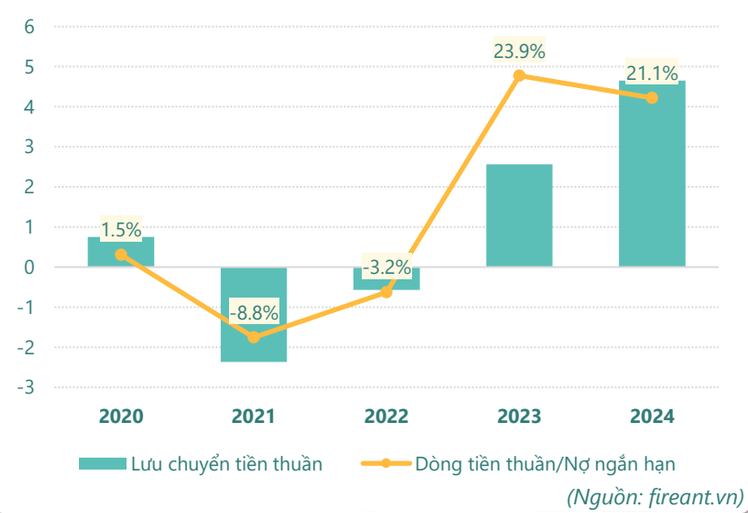
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**37.2**	**21.2**	**75.5%**	**57.3**	**31.9**	**79.4%**
Giá vốn hàng bán	34.1	17.1	99.6%	51.5	27.6	87.1%
Lợi nhuận gộp	3.07	4.01	-23.5%	5.72	4.36	31.2%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.08	-40.6%	0.19	0.29	-34.2%
Chi phí TC	0.10	0.04	155%	0.28	0.07	313%
Chi phí lãi vay	0.06	0.00		0.08	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.43**	**1.41**	**1.6%**	**4.26**	**3.61**	**17.9%**
LN thuần từ HĐKD	1.58	2.64	-40.2%	1.37	0.97	41.2%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.08**	**88.6%**	**0.59**	**0.52**	**13.7%**
LN trước thuế	1.57	2.56	-38.7%	1.96	1.49	31.7%
Lợi nhuận sau thuế	**1.24**	**1.85**	**-33.1%**	**1.51**	**0.77**	**96.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.24**	**1.85**	**-33.1%**	**1.51**	**0.77**	**96.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.55	5.64	-0.33	2.98	-7.88	0.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.92	-5.35	-1.42	0.18	-1.08	-0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	2.06	-3.81	3.58	0.52
Tiền đầu kỳ	4.68	7.06	7.35	7.65	6.99	1.62
Lưu chuyển tiền thuần	**2.37**	**0.29**	**0.30**	**-0.66**	**-5.38**	**0.93**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.06	7.35	7.65	6.99	1.62	2.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**61.9**	**63.7**	**-2.9%**
Tài sản ngắn hạn	44.7	49.9	-10.4%
Tiền và tương đương tiền	2.54	7.65	-66.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.83	10.8	-36.9%
Phải thu ngắn hạn	9.64	21.3	-54.7%
Hàng tồn kho	25.2	10.1	149%
Tài sản ngắn hạn khác	0.47	0.01	6100%
Tài sản dài hạn	**17.2**	**13.8**	**24.3%**
Phải thu dài hạn	2.28	2.06	10.9%
Tài sản cố định	14.1	10.3	37.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.03	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.83**	**1.48**	**-43.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	20.4	23.1	-11.7%
Nợ ngắn hạn	**19.1**	**22.1**	**-13.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.10	3.81	7.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.63	8.25	-68.2%
Nợ dài hạn	1.29	1.02	27.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**41.5**	**40.6**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**41.1**	**40.2**	**2.2%**
Vốn điều lệ	27.0	27.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.41**	**0.41**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)